



# BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 01 năm 2026



## NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN 2025

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đã chính thức xác lập một khung pháp lý nghiêm ngặt, buộc mọi tổ chức phải thay đổi cách thức thu thập và xử lý thông tin. Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ quyền riêng tư, sự ra đời của bộ luật này còn là 'bài kiểm tra' về tính minh bạch và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

### Chuyên đề 1

#### QUY ĐỊNH 1

Tăng lương tối thiểu vùng hơn 7%

### Chuyên đề 2

#### QUY ĐỊNH 2

Hộ kinh doanh có thu nhập trên 500 triệu đồng một năm phải nộp thuế

### Chuyên đề 3

#### QUY ĐỊNH 3

Quy định về thu hồi đất, bồi thường, tái định cư từ ngày 01-01-2026

### Chuyên đề 4

#### QUY ĐỊNH 4

Quy định đối tượng, thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp





# PHẦN 1

## NỘI DUNG CƠ BẢN LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN 2025

**BVDLCN 01-01-2026**



Ngày 26-6-2025, Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. Việc Quốc hội thông qua đạo luật này được đánh giá là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân; ngăn chặn các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức; đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 bao gồm 5 Chương với 39 Điều; quy định về dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đây là văn bản luật đầu tiên ở Việt Nam quy định chuyên biệt về dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN 2025?

Luật BVDLCN 2025 quy định về dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận căn cước.

### 2. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN LÀ GÌ?

#### BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN



là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân.



## **DỮ LIỆU CÁ NHÂN LÀ GÌ? VÌ SAO CẦN BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN?**

là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể, bao gồm: dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Dữ liệu cá nhân sau khi xử lý nhận dạng không còn là dữ liệu cá nhân.

### **Trong đó, Dữ liệu cá nhân bao gồm:**

#### **1 DỮ LIỆU CÁ NHÂN CƠ BẢN**

*là dữ liệu cá nhân phản ánh các yếu tố nhân thân, lai lịch phổ biến, thường xuyên sử dụng trong các giao dịch, quan hệ xã hội, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành.*

#### **2 DỮ LIỆU CÁ NHÂN NHẠY CẢM**

*là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân, khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành.*



**Vậy những dữ liệu nào được xếp là dữ liệu cá nhân cơ bản và những dữ liệu nào là dữ liệu cá nhân nhạy cảm?**

Căn cứ theo quy định tại Nghị định 356/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, có hiệu lực từ ngày 01-01-2026. Nghị định này đã liệt kê danh mục các dữ liệu liên quan đến dữ liệu cá nhân cơ bản, dữ liệu cá nhân nhạy cảm như sau:

#### **Dữ liệu cá nhân cơ bản bao gồm:**

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
- Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;
- Giới tính;
- Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi đăng ký tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
- Quốc tịch;
- Hình ảnh của cá nhân;
- Số điện thoại, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe;
- Tình trạng hôn nhân;
- Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con, vợ, chồng);
- Thông tin về tài khoản số của cá nhân;
- Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể.

#### **Dữ liệu cá nhân nhạy cảm bao gồm:**

- Dữ liệu tiết lộ nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;



- Quan điểm về chính trị, tôn giáo, tín ngưỡng;
- Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình;
- Tình trạng sức khỏe;
- Dữ liệu sinh trắc học, đặc điểm di truyền;
- Dữ liệu tiết lộ đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân;
- Dữ liệu về tội phạm, vi phạm pháp luật được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;
- Vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
- Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tài khoản định danh điện tử của cá nhân; hình ảnh thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân;
- Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập của tài khoản ngân hàng; thông tin thẻ ngân hàng, dữ liệu về lịch sử giao dịch của tài khoản ngân hàng; thông tin tài chính, tín dụng và các thông tin về hoạt động, lịch sử giao dịch tài chính, chứng khoán, bảo hiểm của khách hàng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, chứng khoán, bảo hiểm, các tổ chức được phép khác;
- Dữ liệu theo dõi hành vi, hoạt động sử dụng dịch vụ viễn thông, mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến và các dịch vụ khác trên không gian mạng;
- Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định cần giữ bí mật hoặc cần có biện pháp bảo mật chặt chẽ.

**LƯU Ý:** Đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm



Trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm, cơ quan, tổ chức phải thiết lập quy định phân quyền giới hạn truy cập, quy trình xử lý và các biện pháp bảo mật.

### 3. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÁC LĨNH VỰC NÀO?

Trong kỷ nguyên công nghệ số, bảo vệ dữ liệu cá nhân không còn là quy định chỉ trong một lĩnh vực mà đã trở thành tiêu chuẩn bắt buộc trong mọi hoạt động kinh doanh. Từ hệ thống ngân hàng, thương mại điện tử đến quản trị nhân sự, pháp luật đã thiết lập quy định pháp luật nhằm ngăn chặn rò rỉ thông tin. Việc nắm rõ dữ liệu cá nhân được quy định trong các lĩnh vực nào là bước đi tiên quyết giúp doanh nghiệp tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 và đúng pháp luật.

Dưới đây, là quy định về Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số hoạt động:

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. (Điều 24 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động. (Điều 25 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với thông tin sức khỏe và trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. (Điều 26 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng. (Điều 27 Luật BVDLCN 2025)



- Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kinh doanh dịch vụ quảng cáo. (Điều 28 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các nền tảng mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến. (Điều 29 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo, điện toán đám mây. (Điều 30 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu vị trí cá nhân, dữ liệu sinh trắc học. (Điều 31 Luật BVDLCN 2025)
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân thu được từ hoạt động ghi âm, ghi hình tại nơi công cộng, hoạt động công cộng. (Điều 32 Luật BVDLCN 2025)

#### 4. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Trước khi, tìm hiểu về xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân hãy cùng tìm hiểu về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm:



Xử lý dữ liệu cá nhân nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân.



Lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.



Xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật.



Sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác, cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.



Mua, bán dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.



Chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân.

Do đó, các cá nhân tổ chức nếu có vi phạm hoặc có một trong các hành vi trên thì Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành

vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Dưới đây, là quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 8 Luật BVĐLCN 2025:

| Hành vi  | Mức phạt hành chính  |
|--|--|
| <b>Mua, bán dữ liệu cá nhân</b>  | <b>Tối đa 10 lần khoản thu</b> có được từ hành vi vi phạm<br>Trường hợp không có khoản thu từ hành vi vi phạm hoặc mức phạt tính theo khoản thu có được từ hành vi vi phạm thấp hơn 03 tỷ đồng thì áp dụng mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân là 03 tỷ đồng. |
| <b>Vi phạm quy định chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới</b>                                   | <b>Tối đa 5% doanh thu</b> của năm trước liền kề của tổ chức đó<br>Trường hợp không có doanh thu của năm trước liền kề hoặc mức phạt tính theo doanh thu thấp hơn 03 tỷ đồng thì áp dụng mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân là 03 tỷ đồng.                   |
| <b>Vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân</b> | <b>Tối đa 03 tỷ đồng</b>   |

**LƯU Ý:** Mức xử phạt vi phạm hành chính



Mức phạt tiền tối đa quy định trên bảng này được áp dụng đối với tổ chức. Đối với cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền tối đa bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức.

# PHẦN 2

## TÓM TẮT ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

# 01

### TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG HƠN 7%



Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có hiệu lực từ 01-01-2026, thay thế Nghị định 74/2024.

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

#### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.
2. Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bao gồm:
  - Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - Cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

#### ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG

Theo đó, lương tối thiểu vùng tăng thêm 250.000-350.000 đồng mỗi tháng, bình quân khoảng 7,2%.

Dưới đây là bảng so sánh mức lương tối thiểu vùng trước và sau ngày 01-01-2026:

| Vùng     | Mức mới<br>(từ 01-01-2026) | Mức cũ<br>(hiện hành) | Mức tăng | Tỷ lệ tăng |
|----------|----------------------------|-----------------------|----------|------------|
| Vùng I   | 5.310.000                  | 4.960.000             | 350.000  | 7,10%      |
| Vùng II  | 4.730.000                  | 4.410.000             | 320.000  | 7,30%      |
| Vùng III | 4.140.000                  | 3.860.000             | 280.000  | 7,30%      |
| Vùng IV  | 3.700.000                  | 3.450.000             | 250.000  | 7,20%      |

Mức lương tối thiểu theo giờ cũng được nâng tương ứng, với vùng một từ 23.800 lên 25.500 đồng; vùng hai từ 21.200 lên 22.700 đồng; vùng ba từ 18.600 lên 20.000 đồng; vùng bốn từ 16.600 lên 17.800 đồng. Mức **tăng bình quân** đạt khoảng **7,2%** so với hiện hành.

Việc áp dụng lương tối thiểu vùng năm 2026 được căn cứ trực tiếp vào địa bàn hoạt động của người sử dụng lao động. Theo quy định mới nhất, doanh nghiệp đặt trụ sở tại khu vực nào sẽ thực hiện mức lương tương ứng của khu vực đó. Đặc biệt, đối với đơn vị có nhiều chi nhánh, mỗi văn phòng sẽ áp dụng mức lương theo vùng nơi đặt trụ sở riêng biệt.

Trong các trường hợp đặc thù như Khu công nghiệp hay Khu công nghệ cao nằm trên ranh giới các vùng khác nhau, doanh nghiệp phải ưu tiên áp dụng mức lương tối thiểu cao nhất để đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Riêng với các địa bàn mới thay đổi về tên gọi hoặc chia tách hành chính, mức lương vùng cũ sẽ được duy trì tạm thời cho đến khi có văn bản hướng dẫn bổ sung từ Chính phủ.

## HỘ KINH DOANH CÓ THU NHẬP TRÊN 500 TRIỆU ĐỒNG/NĂM PHẢI NỘ THUẾ?

Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi) cùng nhiều nội dung điều chỉnh trong Luật Quản lý thuế, trong đó điểm thay đổi quan trọng và nhận được sự quan tâm lớn từ cộng đồng hộ kinh doanh là việc nâng mức doanh thu được miễn thuế từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm.



Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi), mức doanh thu chịu thuế với hộ kinh doanh là từ 500 triệu đồng/năm - đây là ngưỡng hộ kinh doanh được miễn thuế VAT, thu nhập cá nhân khi dừng thu thuế theo phương thức khoán và chuyển sang tự kê khai, nộp thuế từ 01-01-2026.

### HƯỞNG ƯU ĐÃI VỀ THUẾ SUẤT TRÊN LỢI NHUẬN

Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi) đã bổ sung phương pháp tính thuế dựa trên lợi nhuận (chênh lệch giữa doanh thu và chi phí), giúp hộ kinh doanh tối ưu nghĩa vụ tài chính tương đương với các doanh nghiệp. Cụ thể:

- Hộ kinh doanh quy mô nhỏ (Doanh thu < 3 tỷ đồng/năm): Áp dụng thuế suất 15% trên lợi nhuận. Đây là mức ưu đãi đặc biệt, tương đương với thuế suất thu nhập doanh nghiệp dành cho các công ty siêu nhỏ.
- Hộ kinh doanh quy mô vừa (Doanh thu 3 tỷ - 50 tỷ đồng/năm): Áp dụng thuế suất 17% trên lợi nhuận.
- Hộ kinh doanh quy mô lớn (Doanh thu > 50 tỷ đồng/năm): Áp dụng thuế suất 20% trên lợi nhuận.

### Trường hợp không xác định được chi phí đầu vào

Nếu hộ kinh doanh không thể chứng minh chi phí đầu vào để tính lợi nhuận, việc nộp thuế sẽ tiếp tục thực hiện theo tỷ lệ trên doanh thu (dao động từ 0,5% - 2% tùy ngành nghề). Tuy nhiên, một điểm mới có lợi cho người nộp thuế là: Hộ kinh doanh sẽ được trừ đi khoản thu nhập thuộc ngưỡng miễn thuế trước khi tính toán số tiền chịu thuế. Điều này đồng nghĩa với việc không còn phải chịu thuế trên toàn bộ doanh thu ngay từ "đồng đầu tiên" như quy định cũ.

## QUY ĐỊNH VỀ THU HỒI ĐẤT, BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ TỪ NGÀY 01-01-2026

Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai 2024 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 254/2025/QH15 có hiệu lực từ 01-01-2026.



### CHÍNH SÁCH MỚI ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ SAU

Bổ sung trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh làm cơ sở cải thiện ma túy do lực lượng vũ trang nhân dân quản lý.

Bổ sung trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, bao gồm:

1. Thực hiện dự án trong khu thương mại tự do, dự án trong trung tâm tài chính quốc tế;
2. Trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận hoặc hết thời gian gia hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận mà đã thỏa thuận được trên 75% diện tích đất và trên 75% số lượng người sử dụng đất thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua việc thu hồi phần diện tích đất còn lại để giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư;
3. Tạo quỹ đất để thanh toán dự án theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT), để cho thuê đất tiếp tục sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp tổ chức đang sử dụng đất mà Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 78, Điều 79 của Luật Đất đai khoản 1 Điều này và điểm a khoản này.

Ngoài ra, còn quy định thêm về:

- Thu hồi đất trước khi hoàn tất bồi thường, tái định cư
- Hệ số điều chỉnh giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành hằng năm và có thể điều chỉnh trong năm nếu cần thiết để phù hợp thực tế.
- Đăng ký thế chấp chỉ cần cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai, không phải ghi trên Giấy chứng nhận;
- Tách thửa, hợp thửa không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất, không bắt buộc chuyển mục đích đối với phần đất làm lối đi...

## QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Chính phủ ban hành Nghị định số 292/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 216/2025/QH15 về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2026.



### ? ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm theo quy định của pháp luật về đất đai; diện tích đất làm muối.
- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ nghèo.

Việc xác định hộ nghèo được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo ban hành theo Nghị định của Chính phủ.

Trường hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quy định cụ thể chuẩn hộ nghèo theo quy định của pháp luật áp dụng tại địa phương thì căn cứ chuẩn hộ nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định để xác định hộ nghèo.

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp (bao gồm cả nhận thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp).

Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận đất giao khoán ổn định của công ty nông, lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.



- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Thủ tục, hồ sơ kê khai, miễn thuế tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

### **THỜI HẠN MIỄN THUẾ**

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

### **HẠNG ĐẤT MIỄN THUẾ**

Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở hạng đất được xác định theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và Quyết định phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

# PHẦN 3

## Một số văn bản có hiệu lực trong tháng

| LUẬT      |  |                |
|-----------|--|----------------|
| 1         | Luật Giáo dục đại học của Quốc hội, số 125/2025/QH15   | HL: 01/01/2026 |
| 2         | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê của Quốc hội, số 138/2025/QH15   | HL: 01/01/2026 |
| 3         | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp của Quốc hội, số 119/2025/QH15 | HL: 01/01/2026 |
| 4         | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công của Quốc hội, số 141/2025/QH15  | HL: 01/01/2026 |
| 5         | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm của Quốc hội, số 139/2025/QH15                                      | HL: 01/01/2026 |
| 6         | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng của Quốc hội, số 149/2025/QH15                                    | HL: 01/01/2026 |
| NGHỊ ĐỊNH |  |                |
| 1         | Nghị định 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm           | HL: 01/01/2026 |
| 2         | Nghị định 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính Nhà nước và công chức  | HL: 01/01/2026 |



|   |   |                |
|---|---|----------------|
| 3 | Nghị định 332/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân   | HL: 01/01/2026 |
| 4 | Nghị định 318/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động  | HL: 01/01/2026 |
| 5 | Nghị định 319/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt về phát triển khoa học, công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt theo các Nghị quyết của Quốc hội | HL: 01/01/2026 |
| 6 | Nghị định 331/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Năng lượng nguyên tử về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử   | HL: 01/01/2026 |
| 7 | Nghị định 337/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hợp đồng lao động điện tử  | HL: 01/01/2026 |
| 8 | Nghị định 327/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú đối với người nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam  | HL: 17/01/2026 |

## QUYẾT ĐỊNH

|   |   |                |
|---|---|----------------|
| 1 | Quyết định 81/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý Nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hà Nội | HL: 01/01/2026 |
|---|---|----------------|



|   |  |                |
|---|--|----------------|
| 2 | Quyết định 1739/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                            | HL: 01/01/2026 |
| 3 | Quyết định 1740/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                                   | HL: 01/01/2026 |
| 4 | Quyết định 1754/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                                | HL: 01/01/2026 |
| 5 | Quyết định 1755/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                             | HL: 01/01/2026 |
| 6 | Quyết định 1757/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                                   | HL: 01/01/2026 |
| 7 | Quyết định 1759/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội | HL: 01/01/2026 |



|    |   |                |
|----|---|----------------|
| 8  | Quyết định 1760/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                     | HL: 01/01/2026 |
| 9  | Quyết định 1764/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Dược phẩm thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                                | HL: 01/01/2026 |
| 10 | Quyết định 1765/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                        | HL: 01/01/2026 |
| 11 | Quyết định 1767/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội                                | HL: 01/01/2026 |
| 12 | Quyết định 1768/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội | HL: 01/01/2026 |
| 13 | Quyết định 1769/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội     | HL: 01/01/2026 |

|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 14 | Quyết định 29/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; quy định về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | HL: 01/01/2026 |
| 15 | Quyết định 1791/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội        | HL: 01/01/2026 |
| 16 | Quyết định 3671/QĐ-BTP của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp   | HL: 01/01/2026 |
| 17 | Quyết định 6431/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy   | HL: 01/01/2026 |
| 18 | Quyết định 2267/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường sắt, lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng   | HL: 01/01/2026 |
| 19 | Quyết định 4114/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Quy chế công tác văn thư của Bộ Tài chính   | HL: 01/01/2026 |
| 20 | Quyết định 1810/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cấu trúc thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội    | HL: 01/01/2026 |

|    |   |                |
|----|---|----------------|
| 21 | Quyết định 3944/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất của các ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2026 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013, Thông tư 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014 và Thông tư 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016 | HL: 01/01/2026 |
| 22 | Quyết định 49/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giải thể và chấm dứt hoạt động của Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài   | HL: 01/01/2026 |
| 23 | Quyết định 83/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội  | HL: 02/01/2026 |
| 24 | Quyết định 82/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội sửa đổi một số điều Quy định kèm theo Quyết định 68/2024/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp thành phố trên địa bàn Thành phố Hà Nội   | HL: 02/01/2026 |
| 25 | Quyết định 84/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế kỹ thuật bảo trì hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 22/2020/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội  | HL: 05/01/2026 |
| 26 | Quyết định 31/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về phân công, phân cấp quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, chiếu sáng, công viên, cây xanh) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 05/01/2026 |

|                 |  |                |
|-----------------|--|----------------|
| 27              | Quyết định 3666/QĐ-BCT của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương  | HL: 13/01/2026 |
| 28              | Quyết định 4884/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | HL: 15/01/2026 |
| 29              | Quyết định 3955/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam         | HL: 15/01/2026 |
| 30              | Quyết định 47/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp hoạt động của các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN   | HL: 25/01/2026 |
| 31              | Quyết định 48/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật   | HL: 30/01/2026 |
| <b>THÔNG TƯ</b> |  |                |
| 1               | Thông tư 24/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang              | HL: 01/01/2026 |
| 2               | Thông tư 130/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách Nhà nước   | HL: 01/01/2026 |

|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 3  | Thông tư 113/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về biên lai thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh   | HL: 01/01/2026 |
| 4  | Thông tư 44/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt  | HL: 01/01/2026 |
| 5  | Thông tư 132/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS)   | HL: 01/01/2026 |
| 6  | Thông tư 23/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực | HL: 01/01/2026 |
| 7  | Thông tư 66/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về chăn nuôi động vật khác thuộc Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi  | HL: 05/01/2026 |
| 8  | Thông tư 46/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định quản lý sử dụng mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | HL: 15/01/2026 |
| 9  | Thông tư 109/2025/TT-BCA của Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân   | HL: 15/01/2026 |
| 10 | Thông tư 12/2025/TT-BNG của Bộ Ngoại giao bãi bỏ Thông tư liên tịch 01/2001/BNG-TCBĐ của Bộ Ngoại giao và Tổng cục Bưu điện về phát hành đi quốc tế của phóng viên nước ngoài tại Việt Nam qua mạng lưới viễn thông công cộng  | HL: 25/01/2026 |

|    |   |                |
|----|---|----------------|
| 11 | Thông tư 124/2025/TT-BCA của Bộ Công an quy định quản lý hội thảo, tọa đàm khoa học thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an  | HL: 25/01/2026 |
| 12 | Thông tư 62/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, phương pháp xác định, phê duyệt khung giá phát điện và phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện của hệ thống pin lưu trữ năng lượng; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện  | HL: 26/01/2026 |
| 13 | Thông tư 115/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng | HL: 28/01/2026 |
| 14 | Thông tư 47/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của tổ chức tín dụng cổ phần  | HL: 29/01/2026 |
| 15 | Thông tư 48/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy                       | HL: 30/01/2026 |
| 16 | Thông tư 117/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam   | HL: 30/01/2026 |
| 17 | Thông tư 45/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động thống kê ngành khoa học và công nghệ  | HL: 30/01/2026 |



## THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

|   |   |                |
|---|---|----------------|
| 1 | Thông tư liên tịch 03/2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phối hợp chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự   | HL: 01/01/2026 |
| 2 | Thông tư liên tịch 11/2025/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP-BTC-BCT-BXD-BNN&MT-KTNN-TTCT của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ hướng dẫn việc xác định lãng phí để áp dụng trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm liên quan đến lãng phí theo quy định của Bộ luật Hình sự | HL: 25/01/2026 |

## NGHỊ QUYẾT

|   |  |                |
|---|--|----------------|
| 1 | Nghị quyết 261/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân  | HL: 01/01/2026 |
| 2 | Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai   | HL: 01/01/2026 |
| 3 | Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị   | HL: 01/01/2026 |
| 4 | Nghị quyết 51/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc bố trí lực lượng và chế độ chính sách cho nhân viên chăn nuôi thú y các xã, phường trên địa bàn Thành phố Hà Nội | HL: 01/01/2026 |



|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 4  | Nghị quyết 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo  | HL: 01/01/2026 |
| 5  | Nghị quyết 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế   | HL: 01/01/2026 |
| 6  | Nghị quyết 76/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 7  | Nghị quyết 55/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội  | HL: 01/01/2026 |
| 8  | Nghị quyết 88/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách Thành phố Hà Nội | HL: 01/01/2026 |
| 9  | Nghị quyết 59/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chính sách hỗ trợ chế độ điều dưỡng, hội nghị, tham quan, về nguồn đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 10 | Nghị quyết 74/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng và các chính sách trợ giúp xã hội thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội khác thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 11 | Nghị quyết 85/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |

|    |   |                |
|----|---|----------------|
| 12 | Nghị quyết 84/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 13 | Nghị quyết 83/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 14 | Nghị quyết 80/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ cho trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non, học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh của cơ sở giáo dục chuyên biệt có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | HL: 01/01/2026 |
| 15 | Nghị quyết 79/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 16 | Nghị quyết 67/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chính sách hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2028  | HL: 01/01/2026 |
| 17 | Nghị quyết 66/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |

|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 18 | Nghị quyết 65/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách năm 2025 và Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 | HL: 01/01/2026 |
| 19 | Nghị quyết 489/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030   | HL: 01/01/2026 |
| 20 | Nghị quyết 78/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về nội dung chi và mức chi Giải Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ tác phẩm báo chí hay, xuất sắc viết về Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 21 | Nghị quyết 77/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về nội dung và mức chi cho các cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 22 | Nghị quyết 75/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người bệnh phong tại Bệnh viện Bến Sắn; trẻ em và người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 23 | Nghị quyết 73/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 24 | Nghị quyết 72/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |

|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 25 | Nghị quyết 71/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh  | HL: 01/01/2026 |
| 26 | Nghị quyết 70/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/ 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | HL: 01/01/2026 |
| 27 | Nghị quyết 69/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh   | HL: 01/01/2026 |
| 28 | Nghị quyết 247/2025/QH15 của Quốc hội tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường   | HL: 24/01/2026 |
| 29 | Nghị quyết 265/2025/QH15 của Quốc hội kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV  | HL: 25/01/2026 |
| 30 | Nghị quyết 263/2025/QH15 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và khóa XV về giám sát chuyên đề và chất vấn  | HL: 25/01/2026 |
| 31 | Nghị quyết 256/2025/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình  | HL: 25/01/2026 |
| 32 | Nghị quyết 262/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035  | HL: 25/01/2026 |



|    |  |                |
|----|--|----------------|
| 33 | Nghị quyết 264/2025/QH15 của Quốc hội về công tác nhiệm kỳ 2021-2026 của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Kiểm toán Nhà nước                         | HL: 25/01/2026 |
| 34 | Nghị quyết 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 | HL: 25/01/2026 |

----- **HẾT** -----



“Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ [info@luatsuhcm.com](mailto:info@luatsuhcm.com).

